

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-PT
Ngày 25-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Cua

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLPT-DS ngày 15/02/2022 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2022/QĐ-PT ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp B1, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: Số 26, T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T1, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Anh T1:

Ông Nguyễn Đức H, Phó Giám đốc pháp lý - Công ty B;

Ông Nguyễn Huy T2, Chuyên viên Ban bảo hiểm hàng hải - Công ty B;

Ông Nguyễn Trường S, Chuyên viên pháp lý - Công ty B;

Ông Trần Nhật Q, Trưởng Phòng nghiệp vụ - Công ty B1

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty B1

Địa chỉ: Số 109A, N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Trần Nhật Q - Trưởng phòng nghiệp vụ - Công ty B1.

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B1.

Địa chỉ: Số 266, Đường B, Khu phố H, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn H1 - chức vụ Giám đốc.

4. Người kháng cáo: Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C. Ông C là chủ tàu cá có số đăng ký BT 95985-TS. Ngày 02/4/2019, ông C mua bảo hiểm của Công ty B về bảo hiểm khai thác hải sản, theo giấy chứng nhận bảo hiểm ghi trách nhiệm bảo hiểm như sau: Bảo hiểm thân tàu với số tiền bảo hiểm là 3.513.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 20.024.100 đồng, thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ ngày 03/4/2019 đến 24 giờ ngày 02/4/2020. Quy tắc bảo hiểm: Được chấp thuận đăng ký theo Công văn 18759/BTC - QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ Tài chính. Người thụ hưởng là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh B1.

Sáng ngày 31/7/2019, ông Nguyễn Văn C cho tàu xuất bến từ cảng cá B1 để hành nghề khai thác thủy hải sản (hành nghề giả cào đôi cùng với tàu BT 99153TS). Trên tàu có 03 người gồm ông Từ Thanh Q là thuyền trưởng, ông Văn Minh T2 là máy trưởng, ông Ngô Văn Minh T3 là thuyền viên. Đến khoảng 20 giờ ngày 16/8/2019, tàu cá đang hoạt động tại tọa độ 7^o40'500''-107^o20'500''E thuộc vùng biển Việt Nam thì máy chính tàu dừng hoạt động. Sau khi kiểm tra sơ bộ thấy máy chính không thể hoạt động được, ông Từ Thanh Q báo cho chủ tàu về việc máy bị sự cố và gọi tàu BT 99153TS đến lai dắt tàu bị hỏng trở về bến. Đến 08 giờ ngày 18/8/2019, hai tàu về đến cảng cá B1. Chủ tàu và ông Từ Thanh Q báo cáo sự cố tàu cho Ban Quản lý Cảng cá B1 và Công ty B1 biết.

Sau khi nhận tin báo sự cố của tàu cá BT 95985TS, Công ty B1 yêu cầu Công ty TNHH Giám định L giám định, xác định nguyên nhân, tình trạng, mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sự cố tổn thất tàu cá BT 95985 TS. Ngày 19/8/2019 chủ tàu cá BT 95985TS yêu cầu Công ty B1 bồi thường, báo nơi sửa chữa cũng như giá sửa chữa máy chính của tàu gồm: 01 cây cốt giáo 400.000.000 đồng; 01 lốc máy giá 200.000.000 đồng; 01 bộ niềng dên + ba dề giá 37.000.000 đồng; 01

tay đèn giá 5.000.000 đồng; công rã ráp máy giá 25.000.000 đồng; tổng cộng thiệt hại là 667.000.000 đồng.

Từ ngày 18/8/2019 đến ngày 07/5/2020, Công ty TNHH Giám định L giám định và kết luận và đánh giá chi phí khắc phục sự cố tổn thất máy chính tàu cá BT - 95985 TS như sau: 01 cây cột giáo 375.000.000 đồng (giảm 25.000.000 đồng so với báo giá của chủ tàu); 01 Block máy (S6R) giá 24.500.000 đồng (giảm 175.500.000 đồng so với báo giá của chủ tàu); 01 bộ niềng đèn (bạc đèn) + ba đèn (bạc trục) giá 37.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); 01 tay đèn giá 5.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); công rã ráp máy giá 25.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); tổng cộng thiệt hại là 466.500.000 đồng.

Ngày 11/5/2020, ông Nguyễn Văn C thấy sức khỏe yếu nên đã chuyển giao quyền sở hữu tàu cá cho ông Nguyễn Văn T là con trai. Ngày 06/7/2020, ông C chết. Ngày 07/7/2020, Công ty B1 ra Thông báo số: 920/2020-BMBT/PTV từ chối bồi thường sự cố tàu BT-95985TS với lý do vi phạm về định biên và thiếu chứng chỉ thợ máy tàu cá. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Công ty B phải bồi thường số tiền là 228.585.000 đồng và yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường từ ngày 07/9/2019 cho đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm.

Theo bản tự khai của bị đơn và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 02/4/2019, Công ty B1 là Công ty thành viên trực thuộc Công ty B cấp giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số MFC/01653919 cho ông Nguyễn Văn C, nội dung như sau: Người được bảo hiểm ông Nguyễn Văn C; đối tượng bảo hiểm là tàu khai thác thủy sản số BT 95985 TS/95985 TS; thời hạn bảo hiểm từ 0h00 ngày 03/4/2019 đến 24 h00 ngày 02/4/2020; mức trách nhiệm bảo hiểm 3.513.000.000 đồng đối với thân tàu, 70.000.000 đồng/người/vụ; mức khấu trừ (không áp dụng với bảo hiểm tai nạn thuyền viên) 2% số tiền bồi thường/tổn thất nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng; quy tắc bảo hiểm được chấp thuận đăng ký theo Công văn 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ Tài chính.

Ngày 31/7/2019, tàu cá BT 95985TS trình Ban Quản lý Cảng cá B1, sau đó ra biển hoạt động đánh bắt thủy sản (cào đôi). Ngày 16/8/2019 tàu cá BT 95985TS hoạt động tại tọa độ 7⁰40'500''-107⁰20'500''E thì bị tắt máy đột ngột. Ngày 18/8/2019 tàu cá BT 95985TS được kéo về neo đậu an toàn tại Cảng cá B1, thuyền trưởng đã trình báo sự việc với Ban Quản lý Cảng cá cùng các bên liên quan về tổn thất.

Ngày 18/8/2019, Công ty B1 đã chỉ định yêu cầu Công ty TNHH Giám định L (Công ty LCL) tiến hành giám định nhằm xác định nguyên nhân, tình trạng, mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sự cố tổn thất. Ngày 19/8/2019, B1 nhận được yêu cầu bồi thường/chi trả tiền bảo hiểm của ông Nguyễn Văn T, số tiền yêu cầu là 667.000.000 đồng. Ngày 07/5/2020, Công ty LCL ra Báo cáo giám định số 179582/LCL kết luận nguyên nhân tổn thất, đánh giá chi phí khắc phục. Ngày 07/7/2020, B ra Thông báo số: 320/2020-BMBT/PNV từ chối bồi thường sự cố tàu BT 95985TS ngày 16/8/2019 do vi phạm về định biên và bằng chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh. Định biên an toàn tối thiểu và văn bằng chứng chỉ tàu

cá của tàu BT 95985TS theo quy định của Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 (Thông tư 22) thì phải có định biên tối thiểu bao gồm 01 thuyền trưởng, 01 thuyền phó, 01 máy trưởng, 02 thủy thủ, 01 thợ máy. Ngoài ra, các chức danh thuyền trưởng, thuyền phó và thợ máy phải có văn bằng chứng chỉ theo quy định tại khoản 1 điểm 11 của Thông tư 22. Tàu cá BT 95985TS đã vi phạm về định biên tối thiểu và văn bằng chứng chỉ. Theo danh sách thuyền viên thì thuyền viên trên tàu cá BT 95985TS gồm 03 người: 01 thuyền trưởng Từ Thanh Q, 01 máy trưởng Văn Minh T2, 01 thuyền viên Ngô Văn Minh T3, trong đó ông Q1 và ông T2 có chứng chỉ bằng cấp phù hợp quy định pháp luật, ông T3 không có bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn. Tồn thất tàu BT 95985 TS thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 15 Quy tắc bảo hiểm được chấp nhận theo Công văn 18759/BTC - QL BH về việc loại trừ bảo hiểm: “Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất đối với thân tàu, ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt thủy sản được xảy ra trong trường hợp sau:...e) Vi phạm các quy định của pháp luật đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản..”. Bị đơn từ chối bồi thường sự cố tàu BT 95985TS ngày 16/8/2019 là hoàn toàn phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và đúng với quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B1 thống nhất với ý kiến của bị đơn Công ty B và không có ý kiến gì thêm.

Tại Đơn xin vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh B1 (Agribank B1) trình bày:

Agribank chi nhánh huyện B1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm tàu cá giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn là Tổng Công ty bảo hiểm B. Theo quy định Agribank chi nhánh huyện B1 phải tham gia vào quá trình giải quyết của vụ án nhưng xét thấy đây là tranh chấp dân sự giữa ông T và Tổng Công ty Bảo hiểm B, ông T là khách hàng truyền thống của ngân hàng, là khách hàng có quan hệ tín dụng tốt với Ngân hàng nên Ngân hàng không cần thiết tham gia tố tụng theo quy định. Hơn nữa, mọi vấn đề liên quan đến vụ án mà Ngân hàng biết đã được ông Nguyễn Văn T khai và cung cấp đầy đủ cho quý tòa, Ngân hàng xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng các Điều 26, 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 134, 137, 138, 357, 359 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 15, 17, 18, 28, 29, 47, 48 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty B bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 264.190.000đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền bồi thường bảo hiểm là 228.585.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi chậm trả là 35.605.000đ (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 07/9/2019 của ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty B giữ nguyên nội dung kháng cáo, việc từ chối bảo hiểm là có căn cứ vì tàu cá của ông C thiếu về định biên và văn bằng chứng chỉ nên tổn thất của ông C thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo điểm e, Điều 15 Quy tắc tàu 67. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Công ty B; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty B là ông Nguyễn Đức H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt ông H theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn C là chủ tàu cá BT 95985TS. Ngày 02/4/2019 ông C có mua bảo hiểm của Công ty B1 là đơn vị trực thuộc Công ty B về bảo hiểm khai

thác hải sản. Sáng ngày 31/7/2019, ông C cho tàu xuất bến để hành nghề khai thác thủy hải sản (hành nghề giả cào đôi cùng với tàu BT - 99153TS). Trên tàu có 03 người gồm ông Từ Thanh Q là thuyền trưởng, ông Văn Minh T2 là máy trưởng, ông Ngô Văn Minh T3 là thuyền viên. Đến khoảng 20 giờ ngày 16/8/2019, tàu cá đang hoạt động thì xảy ra sự cố máy chính của tàu không hoạt động được. Ông Từ Thanh Q báo cho chủ tàu về việc máy bị sự cố và gọi tàu khác đến lai dắt tàu bị hỏng trở về bến. Chủ tàu và ông Q1 đã báo cáo sự cố tàu cho Ban Quản lý cảng cá B1 và Công ty B1 biết. Sau đó Công ty B1 yêu cầu Công ty TNHH giám định L (LCL) giám định, xác định nguyên nhân, tình trạng, mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sự cố tổn thất tàu cá BT 95985TS. Theo kết luận của Công ty TNHH giám định L đánh giá chi phí khắc phục sự cố tổn thất máy chính tàu cá BT 95985 TS như sau: 01 cây cốt giáo 375.000.000 đồng (giảm 25.000.000 đồng so với báo giá của chủ tàu); 01 Block máy (S6R) giá 24.500.000 đồng (giảm 175.500.000 đồng so với báo giá của chủ tàu); 01 bộ niềng dên (bạc dên) + ba dề (bạc trục) giá 37.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); 01 tay dên giá 5.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); công rả ráp máy giá 25.000.000 đồng (bằng giá với báo giá của chủ tàu); tổng cộng thiệt hại là 466.500.000 đồng.

[2.2] Ngày 07/7/2020 Công ty B1 là đơn vị trực thuộc của Công ty B có Thông báo số 320/2020-BMBT/PTV từ chối bồi thường sự cố tàu BT 95985TS với lý do tàu cá đã vi phạm về định biên và chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm d Điều 10 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 quy định về định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá. Tàu BT 95985TS chỉ có 03 định biên, trong khi theo quy định phải là 06 định biên. Ngoài ra, thuyền viên trên tàu không có bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn. Tàu cá BT 95985TS khi bị sự cố thiếu 01 văn bằng/chứng chỉ thuyền phó (Thuyền trưởng đảm nhiệm chức danh Thuyền phó) và thợ máy theo quy định của Thông tư 22 nêu trên.

[2.3] Tuy nhiên, theo Hợp đồng bảo hiểm giữa ông Nguyễn Văn C với Công ty B1 dựa trên quy tắc quy định tại Công văn 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015. Tại Điều 15 của quy tắc quy định các trường hợp loại trừ bảo hiểm, không có quy định trường hợp loại trừ về vi phạm định biên.

- Ngày 15/11/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (Thông tư 22).

- Ngày 13/8/2019 Chi Cục thủy sản Bến Tre có Thông báo số 611/TB - CCTS về việc thực hiện quy định về định biên thuyền viên tàu cá, theo nội dung thông báo này thì Chi cục Thủy sản chưa chính thức thông báo áp dụng quy định về định biên thuyền viên tàu cá theo Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 trên địa bàn tỉnh.

- Ngày 11/9/2019 Công ty B có văn bản số 1675/2019-BM/HH hướng dẫn áp dụng Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018. Theo nội dung của văn bản này thì B sẽ áp dụng các quy định về định biên thuyền viên tàu cá theo Thông tư 22 từ ngày 15/9/2019 nhưng riêng về chứng chỉ thợ máy tàu cá sẽ áp

dụng từ ngày 01/5/2020.

- Ngày 16/9/2019 Chi Cục thủy sản Bến Tre có Thông báo số 718/TB - CCTS về việc áp dụng định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá. Theo nội dung thông báo này thì trường hợp thuyền viên đăng ký trên tàu chưa đầy đủ về các chức danh và số lượng thuyền viên an toàn tối thiểu theo quy định thì khẩn trương thực hiện đăng ký thuyền viên bổ sung, thời hạn thực hiện trước ngày 20/9/2019.

- Theo Thông báo số 526/TB-CCTS Ngày 27/4/2020 của Chi cục thủy sản Bến Tre về việc tiếp tục áp dụng quy định định biên thuyền viên tàu cá trên địa bàn tỉnh Bến Tre thì từ ngày 01/5/2020 tiếp tục áp dụng Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá thiếu chức danh thợ máy, các chức danh còn lại và tổng số thuyền viên vẫn phải đảm bảo đúng định biên theo Thông tư 22.

Như vậy, theo thông báo của Công ty B thì thời gian áp dụng quy định về định biên theo Thông tư 22 là từ ngày 15/9/2019 nhưng riêng về chứng chỉ thợ máy tàu cá sẽ áp dụng từ ngày 01/5/2020. Ngoài ra, theo Thông báo của Chi Cục thủy sản Bến Tre về việc áp dụng định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá thì trường hợp thuyền viên đăng ký trên tàu chưa đầy đủ về các chức danh và số lượng thuyền viên an toàn tối thiểu theo quy định thì thực hiện đăng ký thuyền viên bổ sung, thời hạn thực hiện trước ngày 20/9/2019. Trong khi đó chủ tàu cá BT 95985TS được cấp chứng nhận bảo hiểm ngày 02/4/2019, tàu xuất bến ngày 31/7/2019, tàu gặp sự cố ngày 16/8/2019. Các thời gian này đều xảy ra trước thời hạn áp dụng quy định về định biên và văn bằng chứng chỉ tàu cá nên tàu BT 95985TS chưa thuộc trường hợp phải áp dụng quy định về định biên thuyền viên và văn bằng, chứng chỉ và không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Người đại diện của bị đơn đơn cho rằng Văn bản số 1675 là văn bản nội bộ của Công ty B, văn bản này không phải thỏa thuận của các bên và không thể được xem là chứng cứ giải quyết vụ án, đồng thời các Thông báo 611/TB-CCTS, 718/TB-CCTS, 526/TB-CCTS chỉ mang tính hướng dẫn về mặt hành chính, không mang tính bắt buộc là không phù hợp với các tình tiết của vụ án. Do đó, việc Công ty B từ chối bồi thường cho ông Nguyễn Văn T là không đúng quy định của pháp luật.

Thiệt hại của tàu BT 95985TS theo kết luận của Công ty giám định LCL là 466.500.000 đồng. Tại bảng kê giá trị bảo hiểm và số tiền bảo hiểm ngày 11/02/2019 thì tỷ lệ tham gia bảo hiểm của ông C là 50% máy, vì vậy số tiền thiệt hại được xác định là $\frac{1}{2}$ của số tiền 466.500.000 đồng = 233.250.000 đồng, sau khi khấu trừ 2% số tiền bồi thường còn lại là 228.585.000 đồng. Số tiền này buộc Công ty B phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T.

[2.4] Về lãi suất: Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty B phải trả lãi phát sinh do chậm nghĩa vụ bồi thường từ ngày 07/9/2019 (sau 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được đơn yêu cầu bồi thường là ngày 19/8/2019). Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án ghi nhận bị đơn nhận được hồ sơ hợp lệ của nguyên đơn là ngày 07/5/2020 (ngày nhận được kết luận giám định của Công ty

LCL). Các đương sự đều thống nhất về thời gian ông C nộp đơn yêu cầu bồi thường là ngày 19/8/2019, tại biên bản làm việc ngày 18/8/2019 đại diện chủ tàu là ông Nguyễn Văn T đồng ý cho giám định viên Công ty TNHH Giám định L (LCL) thực hiện giám định tổn thất máy chính tàu cá. Đến ngày 07/5/2020, Công ty TNHH Giám định L mới có kết luận giám định.

Cấp sơ thẩm xác định thời gian đơn vị bảo hiểm nhận hồ sơ hợp lệ về sự cố tàu BT 95985 TS là ngày 07/5/2020 và căn cứ Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Từ đó, chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, tính lãi chậm trả từ ngày 22/5/2020 đến ngày xét xử là ngày 15/11/2021, không chấp nhận tính lãi từ ngày 07/9/2020, cụ thể: $228.585.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 35.605.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi chậm trả từ ngày 22/5/2020 là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bởi vì, việc Công ty LCL chậm cung cấp kết quả giám định không phải lỗi của nguyên đơn, cấp sơ thẩm phải làm rõ trách nhiệm của việc chậm trả kết quả giám định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Xét thấy, lẽ ra cấp sơ thẩm phải làm rõ trách nhiệm của các bên về việc chậm trả kết quả giám định của Công ty LCL, từ đó làm căn cứ xác định ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ là ngày nào mới giải quyết đúng yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tuy nhiên, sau khi có bản án sơ thẩm, nguyên đơn không có kháng cáo nên được xem là đồng ý với bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không xem xét lại nội dung này.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 58/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 26, 40 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 134, 137, 138, 357, 359 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 15, 17, 18, 28, 29, 47, 48 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty B bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 264.190.000đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền bồi thường bảo hiểm là 228.585.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi chậm trả là 35.605.000đ (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 07/9/2019 của ông Nguyễn Văn T.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty B phải chịu án phí có giá ngạch là đồng 13.209.500đ (Mười ba triệu hai trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 721.100đ (Bảy trăm hai mươi một nghìn một trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.330.000đ (Mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003548 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền chênh lệch là 10.608.900đ (Mười triệu sáu trăm lẻ tám nghìn chín trăm đồng) theo biên nêu trên.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Công ty B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002680 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương